

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NHÂM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST

Ngày: 12 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NHÂM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lan Phương và bà Trần Thị Ngọc Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 N 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 290/2019/HSST ngày 18 tháng 12 N 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 N 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Như H, sinh ngày 17 tháng 7 N 1981 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nhâm; con ông Trần Như Hảo (đã chết) và bà Đặng Thị Hạnh, sinh N 1957; chồng: Nguyễn Ngọc N, sinh N 1980; con: có 02 người con sinh N 2004 và 2006.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị Xuân N, sinh N 1980; địa chỉ: 03 kiết 18 V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Anh Phạm Văn Th, sinh N 1971; địa chỉ: thôn T, xã H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị H, sinh N 1985; địa chỉ: 10/111 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Như H có con gái là cháu Nguyễn Thị Thanh A (sinh N 2004) đang theo học tại trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ, thành phố H. Do có nhu cầu cho con đi Du học nước ngoài nên khoảng tháng 8/2018, Phan Thị Như H chuyển ra tạm trú tại nhà bạn là chị Lê Thị H để tiện cho việc làm hồ sơ du học cho con. Tại Huế, qua giới thiệu, H đã gặp và nhờ ông Phạm Văn Th tư vấn và giúp làm hồ sơ cho con gái H đi du học tại Canhàda. Ông Th đồng ý giúp và đã cung cấp số điện thoại của một Công ty tư vấn du học tại thành phố Hà Nội để cho H tự liên hệ. Ngoài ra, theo thỏa thuận, ông Th sẽ giúp H trong việc giới thiệu người dịch thuật và chứng thực các loại giấy tờ liên quan trong quá trình làm hồ sơ cho cháu A.

Sau khi nhận các loại giấy tờ như: Học bạ, giấy khen, chứng minh nhân dân...từ H, ông Th đã nhờ chị Nguyễn Thị Xuân Nh dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và đưa đến chứng thực các bản dịch tại Phòng Tư pháp, thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H, rồi nộp cho Công ty tư vấn du học.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, Công ty tư vấn du học đã liên hệ và yêu cầu Trần Thị Như H cung cấp thêm giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản là nhà và đất của vợ chồng H bổ sung hồ sơ để chứng minh tài sản bảo đảm về tài chính. Do không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp nên H nảy sinh ý định đặt mua giấy tờ giả để sử dụng. Khoảng tháng 10/2018, tại một quán cà phê trên đường Lê Lợi, thành phố H, H đã liên hệ và thỏa thuận đặt mua của một người không rõ lai lịch, địa chỉ một “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả, mang tên vợ chồng H với giá 6.800.000 đồng. Sau mua được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, H đã đưa cho ông Th để tiếp tục mang đến nhờ chị Nh dịch sang tiếng Anh. Sau khi dịch xong, chị Nh mang đến Phòng tư pháp thành phố H để chứng thực thì bị cơ quan này phát hiện, trình báo cơ quan Công an thành phố H xử lý.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả, số BA 365623, ghi cấp ngày 17/10/2017; số vào sổ cấp: CH C1785-2017; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Ngọc N và bà Trần Thị Như H, cùng trú tại khóm B, thị trấn A, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thửa đất số 115, thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc Lô C35, khu A – Đô thị mới An Vân Dương, phường Xuân Phú, thành phố H.

Tại bản kết luận giám định số 125/GĐ ngày 18/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BA 365623 nêu trên là giả.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Như H đã thừa nhận Anh vi phạm tội của mình, công nhận việc khởi tố của Cơ quan điều tra và truy tố của Viện kiểm sát là đúng với Anh vi của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 29 tháng 12 N 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Thị Như H về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Như H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tiếp tục lưu giữ 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả, số BA 365623, ghi cấp ngày 17/10/2017; số vào sổ cấp: CH C1785-2017 theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các Anh vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện Anh vi cũng như ban Anh các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về Anh vi, quyết định của Cơ quan tiến Anh tố tụng, người tiến Anh tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Anh tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 10/2019, Trần Thị Như H đã đặt mua của một người (không rõ lai lịch) 01 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” để làm thủ tục cho con gái du học. Sau đó, H nhờ dịch thuật sang tiếng Anh, rồi đưa đến Phòng tư pháp - Ủy ban nhân dân thành phố H chứng thực thì bị phát hiện. Anh vi nêu trên của bị cáo Trần Thị Như H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự N 2015. Do

đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ Anh vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, mong muốn có đủ giấy tờ chứng minh về năng lực tài chính để cho con gái du học nên dẫn đến việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính thuộc lĩnh vực quản lý và sử dụng giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người đến thời điểm phạm tội chưa có vi phạm pháp luật gì, chưa có tiền án, tiền sự; không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự N 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ (03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51), có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội do mong muốn con gái mình đủ điều kiện du học nên tính chất, mức độ nguy hiểm ít nghiêm trọng. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt tự cải tạo tại địa phương, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa. Do bị cáo có thu nhập không ổn định, nuôi hai con chưa thành niên nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả, số BA 365623, ghi cấp ngày 17/10/2017; số vào sổ cấp: CH C1785-2017 là chứng cứ phạm tội nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Như H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự N 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Như H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Trần Thị Như H cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tiếp tục lưu giữ 01 (một) “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” giả, số BA 365623, ghi cấp ngày 17/10/2017; số vào sổ cấp: CH C1785-2017 theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Buộc bị cáo Trần Thị Như H phải chịu 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền